

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày : 10 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Việt Hồng Phượng;
- Bà Mai Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nhị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B, sinh năm 2004; Căn cước công dân số: 089204003106; Nơi cư trú: ấp C, xã V, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo H; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1964 (đã chết); bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: chưa.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/02/2026 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Chị Lê Thị Diễm T, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang. SĐT: 0967600129

* **Người làm chứng:** Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Hoàng R, Nguyễn Thị Thùy T2, Nguyễn Văn L (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/9/2025, Nguyễn Văn B cùng Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hoàng R, Trần Văn T3 đến quán K thuộc ấp B, xã B, tỉnh An Giang, để hát karaoke. Tại đây, nhóm của B thuê phòng 102, gọi Lê Thị Diễm T (nhân viên) và 02 tiếp viên vào phục vụ. Trong lúc hát, T đi ra ngoài lấy

cục sạc điện thoại và để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax trên ghế da trong phòng 102. Thấy vậy, B nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, B đến nằm gần vị trí để điện thoại rồi lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần phía sau, bên trái. Khoảng 05 phút sau, T trở lại phòng phát hiện mất điện thoại nên truy hô, tìm kiếm xung quanh. B sợ bị phát hiện nên vào nhà vệ sinh lấy điện thoại vừa trộm được cất vào phía trong ống quần tại bắp chân bên trái rồi ra về. Lúc này, quản lý quán là Nguyễn Thị Thùy T2 vào kiểm tra, phát hiện B đang cất giấu điện thoại nên bắt giữ B giao cho Công an xã B.

* Căn cứ Kết luận Định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã B, xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng Gold, dung lượng 256GB, giá trị 4.100.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại màu đen, trị giá 28.333 đồng; 01 sim điện thoại mạng Mobifone, trị giá 135.000 đồng. Tổng giá trị 4.263.333 đồng. Ngày 10 tháng 11 năm 2025, Nguyễn Văn B bị khởi tố, điều tra.

Lời khai của bị hại Lê Thị Diễm T; người làm chứng Trần Văn T3, Nguyễn Hoàng T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hoàng R, Nguyễn Thị Thùy T2 trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Bị hại T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn B khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max màu vàng Gold, dung lượng 256GB, số máy MG943LL/A; 01 ốp lưng điện thoại, màu đen và 01 sim điện thoại mạng Mobifone. Đã trả cho bị hại Lê Thị Diễm T.

Tại Cáo trạng số: 62/CT-VKSKV10 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Bình về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo B thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị không đặt ra xem xét.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình

điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Đối với bị hại, người làm chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, họ có lời khai trong quá trình điều tra nên sự vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung diễn biến của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; bản ảnh hiện trường, bản ảnh tang vật, ngoài ra còn phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng.

Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Văn B đã có hành vi lén lút, lấy trộm điện thoại di động Iphone 12 Pro max, 01 sim điện thoại và 01 ốp lưng điện thoại của bị hại Lê Thị Diễm T, để bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản lấy trộm là 4.263.333 đồng.

Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải cần cù lao động chân chính tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng bị cáo lại coi thường pháp luật lấy trộm tài sản của bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, việc không lấy được tài sản của bị hại là ngoài ý muốn của bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; thuộc thành phần nhân dân lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi của bị cáo có tính chất bộc phát nhất thời, trong

thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo đã chấp hành tốt các chính sách pháp luật và quy định tại địa phương; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án gồm: 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro max màu vàng Gold, dung lượng 256GB, số máy MG943LL/A; 01 ốp lưng điện thoại, màu đen và 01 sim điện thoại mạng Mobifone đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại [Lê Thị Diễm T](#) theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 27/11/2025, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Các vấn đề khác:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Văn B](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn quy định về án treo:

Xử phạt: Bị cáo [Nguyễn Văn B](#) 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (10/3/2026).

Giao bị cáo [Nguyễn Văn B](#) cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Ủy ban nhân **xã Vĩnh Gia**;
- Phòng TT, KT & THA;
- Văn phòng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Quyên